

Số: 01 /2020/BC-TGD

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**  
Năm báo cáo: 2019

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100456 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 04 năm 2019.
- Vốn điều lệ: 387.046.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 387.046.500.000 đồng.
- Địa chỉ: Km 12, đường Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243 765 5510
- Số fax: 0243 765 5509
- Website: www.hem.vn
- Mã cổ phiếu : HEM

*Quá trình hình thành và phát triển*

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội là Nhà máy Chế tạo điện cơ, được thành lập ngày 15 tháng 01 năm 1961 và đặt trụ sở chính tại 44B Lý Thường Kiệt – Phường Trần Hưng Đạo – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Từ ngày 15 tháng 02 năm 1996 đổi tên thành Công ty Chế tạo điện cơ theo Quyết định số 502/QĐ-TCCB ngày 15 tháng 02 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
- Theo Quyết định số 3110/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp ngày 27 tháng 12 năm 2001, Công ty đổi tên thành Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội và đặt trụ sở chính tại Km 12 – Đường Cầu Diễn – Phường Phúc Diễn – Quận Bắc Từ Liêm – TP. Hà Nội.
- Công ty được chuyển thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chế tạo điện cơ Hà Nội từ ngày 31 tháng 12 năm 2004.
- Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 3012/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên thành Công ty cổ phần.
- Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009 với số vốn điều lệ ban đầu là 320.000.000.000 đồng. Từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã trải qua ba đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Hiện tại, Vốn điều lệ của Công ty là 387.046.500.000 đồng.





## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy bơm, máy phát điện, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;

+ Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220kV;

+ Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;

+ Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

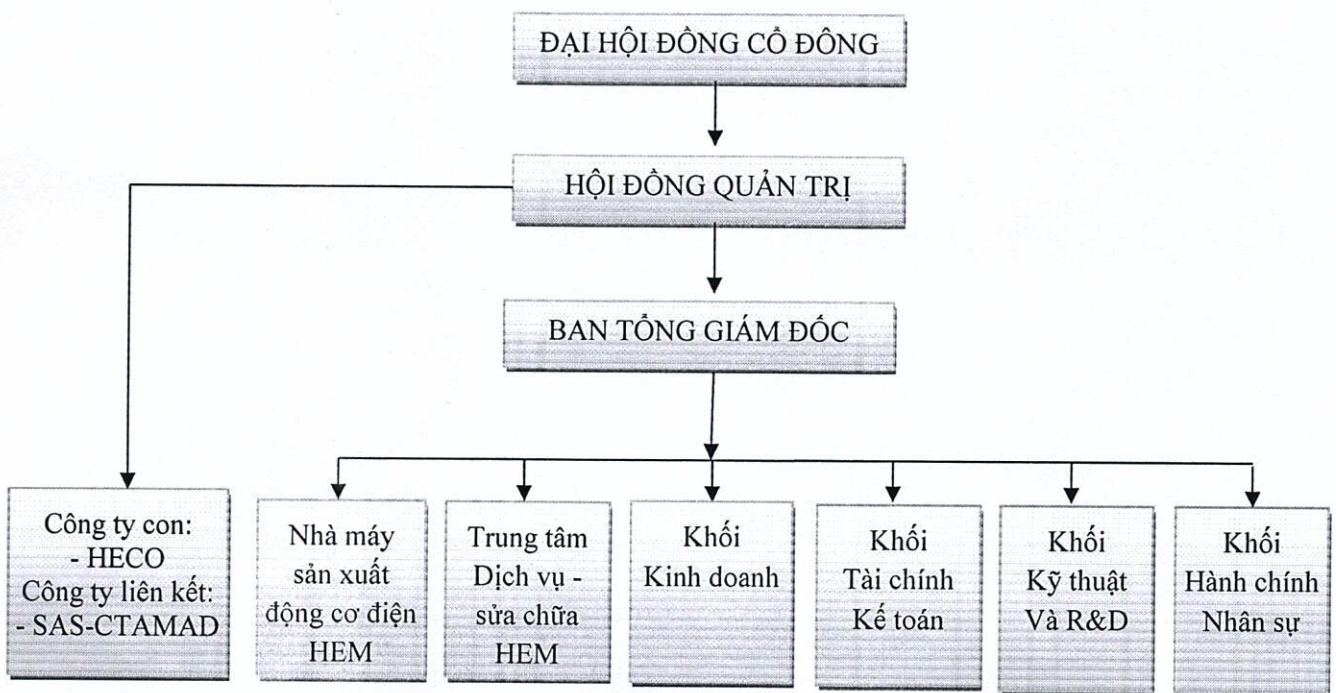
+ Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng;

+ Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội có địa bàn hoạt động kinh doanh rộng khắp cả nước từ Bắc vào Nam.

## 3. Tổ chức bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết:

\* **Tên công ty con: Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội (HECO)**

Địa chỉ: Lô J12, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, TP HCM

Vốn điều lệ: 13.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của HEM: 99,82% vốn điều lệ

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh động cơ, máy phát, máy biến thế và các thiết bị điện; Dịch vụ sửa chữa.

\* **Tên công ty liên kết: Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD**

Địa chỉ: 44B Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội



Vốn điều lệ: 22.372.680 USD

Tỷ lệ nắm giữ của HEM: 35% vốn điều lệ

Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn quốc tế 5 sao Melia Hà Nội và dịch vụ cho thuê văn phòng.

#### **4. Định hướng phát triển**

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, giữ vững thương hiệu và vị thế của nhà sản xuất thiết bị điện hàng đầu Việt Nam.
- Không ngừng đổi mới và phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh để tạo ra các sản phẩm mới, thị trường mới. Theo đó khai thác tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

#### **5. Các rủi ro:**

##### *5.1. Rủi ro thị trường*

- HEM là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chủ yếu động cơ điện - ngành phục vụ cho nhiều ngành kinh tế - xã hội khác nhau, đặc biệt là ngành năng lượng. Do đó, khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu về năng lượng cũng tăng lên, Nhà nước sẽ triển khai đầu tư các công trình năng lượng... cơ hội kinh doanh các sản phẩm của Công ty sẽ được thuận lợi.
- Tuy nhiên, đến khi nhu cầu về năng lượng đã đến mức bão hòa thì thị trường đầu ra các sản phẩm của Công ty sẽ giảm xuống một cách đáng kể. Nắm bắt được xu hướng này, HEM sẽ tiến tới đa dạng hóa sản phẩm, thích ứng với xu thế của thị trường nhằm tạo nên sự phát triển bền vững cho Công ty.

##### *5.2. Rủi ro cạnh tranh*

- Hiện nay, trình độ ngành cơ khí điện trong khu vực và trên thế giới đang ở mức cao và tốc độ phát triển rất nhanh. Trong xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới, đòi hỏi Công ty phải nhạy bén trong việc nắm bắt các công nghệ mới, tiếp thu có chọn lọc để phù hợp với điều kiện sản xuất, vốn đầu tư. Nếu không thực hiện được điều này, Công ty sẽ phải đứng trước nguy cơ tụt hậu về trình độ khoa học kỹ thuật, lạc hậu về dây chuyền, thiết bị sản xuất, dẫn đến sản phẩm làm ra mất tính cạnh tranh.
- Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong cùng ngành nghề ngày càng gia tăng, đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều. Đây là rủi ro cạnh tranh lớn đối với Công ty.

##### *5.3. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào*

- Các loại vật liệu chính như tôn tấm, thép, đồng,... Công ty sử dụng chủ yếu được mua từ các Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Công ty nói riêng.
- Để đối phó với vấn đề này, Công ty đã luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý phù hợp, đưa ra các biện pháp xử lý linh hoạt và kịp thời nhằm tối thiểu hóa chi phí và giảm thiểu ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**



### Thuận lợi:

- Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM) tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, lãnh đạo Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX và sự hợp tác của các đơn vị thành viên trong khối Thiết bị điện;
- Hội đồng quản trị Công ty định hướng chiến lược phát triển cụ thể, chỉ đạo sát sao. Theo đó, việc tái cấu trúc Công ty nhanh chóng được hoàn tất, ổn định cơ cấu tổ chức nhân sự và các ngành hàng sản xuất. Tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài của HEM;
- HEM luôn nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của đối tác, khách hàng. Hệ thống đại lý gắn bó lâu dài; các khách hàng lớn thuộc ngành than, thủy điện, nhiệt điện, xi măng, dầu khí, thép ... luôn tin nhiệm và ưu tiên sử dụng dịch vụ và sản phẩm của HEM.
- Đội ngũ CBCNV có kinh nghiệm, nhiệt huyết, đoàn kết, gắn bó, có tinh thần trách nhiệm và chủ động sáng tạo trong công việc, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung là sự tồn tại và phát triển của Công ty.

### Khó khăn:

- Tất cả các sản phẩm và dịch vụ của Công ty tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt của thị trường. Không những cạnh tranh về chất lượng mà còn cạnh tranh hết sức khốc liệt về giá bán, về cơ chế bán hàng; cạnh tranh không lành mạnh do hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng, hàng giả...
- Hàng giả, hàng nhái các sản phẩm của HEM ngày càng xuất hiện nhiều hơn trên thị trường. Các chính sách pháp luật trong công tác quản lý hàng giả, hàng nhái và chế tài xử phạt của Nhà nước chưa đủ mạnh; sự quản lý của các cơ quan chức năng chưa đồng bộ và quyết liệt; mặc dù vậy, HEM đã đưa ra nhiều giải pháp tuy nhiên hiệu quả chưa cao;
- Năm 2019 là năm HEM tái cấu trúc toàn diện, ưu tiên tập trung cho việc thành lập Nhà máy chuyên sản xuất động cơ điện tại Thị trấn Đông Anh, sắp xếp lại mặt bằng và dây chuyền sản xuất, di dời thiết bị từ Cầu Diễn sang lắp đặt tại Nhà máy, tổ chức lại bộ máy nhân sự phục vụ sản xuất. Việc tập trung cho công tác tái cấu trúc cũng có ảnh hưởng đến kết quả SXKD của năm 2019.

### ✓ Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất :

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	542,840	501,585
2	Giá vốn hàng bán	429,890	408,348
3	Doanh thu hoạt động tài chính	43,563	89,410
4	Chi phí tài chính	23,492	24,921



5	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	16,827	2,854
6	Chi phí bán hàng	10,519	24,394
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40,460	45,577
8	Thu nhập khác	3,575	0,876
9	Chi phí khác	0,381	0,685
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102,063	90,801
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7,927	5,829
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	94,136	84,673

✓ Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2019	TH 2019/TH 2018
A	B	C	1	2	3 = 2/1	4
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	624,000	446,811	71,6%	95,41%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,000	87,485	99,4%	112,42%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	78,000	81,994	105,1%	117,13%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	1978
2	Hà Tiến Lược	Giám đốc Trung tâm dịch vụ sửa chữa HEM	1963
3	Bùi Quốc Bảo	Giám đốc Sản xuất động cơ điện	1963
4	Nguyễn Thị Thanh Yến	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1976

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

- Ông Bùi Quang Vinh - Tổng Giám đốc Công ty



- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/08/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Hòe Nhài, Phường Nguyễn Trung Trực, Ba Đình, Hà Nội
- CMND: 013490281      Ngày cấp: 27/11/2013      Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí chính xác và Quang học.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Đại diện sở hữu 15.481.860 cổ phần, chiếm 40% vốn điều lệ (Đại diện của Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX)
  - + Số CP nắm giữ của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

▪ **Ông Hà Tiến Lực - Giám đốc Trung tâm Dịch vụ sửa chữa HEM**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/07/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 59 ngõ Lệnh Cur - Phố Khâm Thiên - P. Thổ Quan - Q. Đống Đa – TP. Hà Nội
- CMND: 037063001334      Ngày cấp 10/08/2017      Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Cá nhân sở hữu: 43.394 cổ phần, chiếm 0,12 % vốn điều lệ
  - + Số CP nắm giữ của những người có liên quan: Không có

▪ **Ông Bùi Quốc Bảo – Giám đốc Sản xuất**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/07/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 25-TT Đông Anh- Hà Nội
- CMND: 011626169      Ngày cấp: 06/12/2004      Nơi cấp: Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

+Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+Cá nhân sở hữu: 23.419 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

+ Số CP nắm giữ của những người có liên quan: Không có

▪ **Bà Nguyễn Thị Thanh Yên – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 08/11/1976

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Số 102 Tổ 39 Hào Nam – Đống Đa - Hà Nội

- CMND: 011828444 Ngày cấp: 25/6/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế .

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+Cá nhân sở hữu: 7.422 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

+ Số CP nắm giữ của những người có liên quan: Không có

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Từ ngày 15/02/2019, miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của ông Hà Tiến Lực và ông Đoàn Văn Quý.

- Từ ngày 15/02/2019, bổ nhiệm:

+ Ông Hà Tiến Lực giữ chức vụ Giám đốc trung tâm dịch vụ sửa chữa HEM.

+ Ông Đoàn Văn Quý giữ chức vụ Giám đốc Kỹ thuật.

+ Ông Bùi Quốc Bảo giữ chức vụ Giám đốc Sản xuất.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Yên giữ chức vụ Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng.

- Từ ngày 10/03/2019, Ông Đoàn Văn Quý thôi giữ chức vụ Giám đốc kỹ thuật.

2.3. Công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương và thực hiện các chế độ đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2019:

STT	Cơ cấu nhân sự	Số người
<b>I</b>	<b>Phân theo trình độ</b>	<b>313</b>
1	Đại học và trên đại học	106
2	Cao đẳng, trung cấp	18
3	Công nhân, kỹ thuật, khác	189



STT	Cơ cấu nhân sự	Số người
<b>II</b>	<b>Phân loại theo giới tính</b>	<b>313</b>
1	Nam	227
2	Nữ	86

- Năm 2019, công tác tiền lương tại HEM được quan tâm, chú trọng, nâng cao thu nhập và thu hút lao động có trình độ, tay nghề cao. HEM đang từng bước cải tiến xây dựng và hoàn thiện Quy chế trả lương mới với các tiêu chí bám sát thực tế đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty hiện nay, tạo động lực tích cực tới người lao động, hướng tới mục đích trả lương công bằng, theo đúng mức độ đóng góp của từng người lao động. Việc thanh toán lương cho người lao động đã được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng kỳ hạn. Thu nhập bình quân của người lao động tại HEM năm 2019 là 10.530.200 đồng/người/tháng.

- Về các chế độ với người lao động, HEM luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày, thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, chế độ ốm đau, thai sản,... HEM cũng thường xuyên chăm lo công tác y tế, trang bị bảo hộ lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1. Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất:

Sau khi cơ cấu mô hình sản xuất ngành hàng động cơ điện tập trung tại Nhà máy, HEM đã sắp xếp lại mặt bằng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất theo trình tự công nghệ và định hướng sản phẩm chiến lược.

Công ty đã xây dựng lại một số quy trình công nghệ, ban hành định mức lao động và định mức vật tư cho tất cả các sản phẩm truyền thống đang sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất.

Trong năm, HEM không đầu tư lớn cho dây chuyền sản xuất, chủ yếu rà soát công nghệ, máy móc thiết bị và chọn lọc thiết kế sản phẩm của HEM và VIHEM để sử dụng tối ưu nguồn lực hiện có của 02 công ty, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

#### 3.2. Đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết:

Năm 2019, HEM đã cơ cấu lại các khoản đầu tư ra bên ngoài. Cụ thể:

- Nhận sáp nhập Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam-Hungari (VIHEM), theo đó VIHEM không còn là Công ty con của HEM kể từ ngày 11/4/2019.
- Tháng 7/2019, HEM đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào Trường cao đẳng Công nghệ Hà Nội (HITECH) cho Công ty TNHH Giáo dục FPT.

Tại thời điểm 31/12/2019, HEM có vốn đầu tư vào các Công ty sau

		Giá gốc khoản đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
- Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	18.027.103.006	99,82%
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Công ty liên kết	179.842.195.109	35,00%



Công ty cử người đại diện vốn của HEM tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty con thực hiện nhiệm vụ quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội (HECO) với ngành nghề chính là sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ sửa chữa động cơ tại thị trường phía Nam. Năm 2019, doanh thu thuần HECO là 23,1 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 2,4 tỷ đồng. Thị trường động cơ điện tại khu vực Miền Nam gặp rất nhiều khó khăn, nhiều đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là động cơ Trung Quốc. Tuy nhiên, dịch vụ sửa chữa động cơ điện ngày càng khẳng định năng lực trên thị trường và là cơ sở để HEM phát triển thị trường tại khu vực Miền Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH SAS-CTAMAD phát triển tương đối tốt trong năm 2019, lợi nhuận chia về HEM trong năm 2019 là 64,4 tỷ đồng chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng lợi nhuận mà HEM có được.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ tăng giảm năm 2019 so với năm 2018(%)
1	Tổng giá trị tài sản	874.665.750.671	1.059.466.173.751	21,13%
2	Nợ phải trả	230.110.573.405	389.673.177.061	69,34%
3	Doanh thu thuần	542.840.152.309	501.585.086.932	(7,6%)
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	98.868.473.032	90.610.261.812	(8,35%)
5	Lợi nhuận khác	3.194.357.229	191.102.606	(94,02%)
6	Lợi nhuận trước thuế	102.062.830.261	90.801.364.418	(11,03%)
7	Lợi nhuận sau thuế	94.136.196.009	84.672.681.252	(10,05%)
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	Kế hoạch là 15%	

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu :

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,99	1,68
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,50	1,31
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	26,31%	36,78%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	35,70%	58,18%



<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,30	3,21
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,62	0,47
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	17,34%	16,88%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	25,58%	21,88%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	10,99%	8,76%
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18,21%	18,06%

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 38.549.019 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 38.549.019 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông (tại ngày chốt danh sách 02/01/2020):

TT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>422</b>	<b>38.537.969</b>	<b>99,57%</b>
	Tổ chức	6	30.917.286	79,88%
	Cá nhân	416	7.620.683	19,69%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>1</b>	<b>11.050</b>	<b>0,03%</b>
	Tổ chức	0	0	0%
	Cá nhân	3	11.050	0,03%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>155.631</b>	<b>0,4%</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>426</b>	<b>38.704.650</b>	<b>100%</b>

\* Danh sách cổ đông lớn:

Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	0107547109	Tầng 23, Tòa nhà Gelex, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại	29.684.916	76,7%



		Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội		
<b>Tổng cộng</b>			29.684.916	<b>76,7%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2019, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc nhận sáp nhập Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (VIHEM), HEM đã phát hành 1.904.650 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) để hoán đổi lấy 3.809.300 cổ phần đang lưu hành của VIHEM. Hiện tại, Vốn điều lệ của Công ty là 387.046.500.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là 155.631 cổ phiếu. Trong năm 2019 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

HEM quản lý nguyên vật liệu theo quy chế của Công ty, đảm bảo bảo đúng nguyên tắc quản lý, tiết kiệm, hiệu quả.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ của Công ty trong năm:

TT	Nguyên vật liệu chính	ĐVT	Khối lượng
1	Đồng	Tấn	31,018
2	Thép tấm, cây	Tấn	354,311
3	Tôn silic	Tấn	989,467
4	Vòng bi	Vòng	36,126
5	Dây điện từ	Tấn	142,560

b) Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Trong năm 2019, năng lượng tiêu thụ phục vụ sản xuất kinh tại Công ty là 2.778.971 kwh. Công ty luôn nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng trong sản xuất đối với cán bộ công nhân viên.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

Để đảm bảo môi trường và sức khỏe cho người lao động, Công ty sử dụng nguồn nước sạch do Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội để phục vụ sản xuất. Lượng nước sử dụng trong năm 2019 là: 3.978 m<sup>3</sup>

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là đơn vị luôn nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về môi trường. Các kỳ thanh kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường Công ty đều thực hiện tốt, không có vi phạm bị xử phạt.



### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 313 người. Thu nhập bình quân người lao động trong năm 2019 là 10.530.200 đ/người/tháng..

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Chính sách đối với người lao động luôn được đảm bảo: Công ty trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định.

- Môi trường làm việc luôn được quan tâm: Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ...

- Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về việc đảm bảo sức khỏe cho người lao động, hàng năm tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ.

- Trang bị bảo hộ lao động thường niên theo quy định, phù hợp với ngành nghề người lao động đang đảm nhiệm,

- Thường xuyên quan tâm tới các hoạt động đoàn thể: Nữ công, Đoàn Thanh niên, Tổ chức nghỉ mát hàng năm cho CBCNV, sinh hoạt thường kỳ các phong trào Bóng bàn, Bóng đá, ....

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Đào tạo nâng cao tay nghề, nâng bậc lương cho công nhân hàng năm, đảm bảo việc làm cho người lao động và phát triển nghề nghiệp;

- Đào tạo chuyển đổi nghề cho người lao động trong một số trường hợp căn cứ nhu cầu sắp xếp nhân lực;

- Tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên khối chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đào tạo nhân lực mới tuyển dụng để đáp ứng tốt yêu cầu của đơn vị trong sản xuất.

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động cộng đồng, hoạt động từ thiện. Trực tiếp đến những vùng khó khăn, thiên tai ủng hộ người dân vượt qua khó khăn từ nguồn đóng góp của CBCNV và đoàn thể trong Công ty.

### 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 là một năm nhiều khó khăn, Ban điều hành đã hết sức nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy nhiên, kết quả không được như mong đợi, tổng doanh thu hợp nhất là 501,58 tỷ đồng, đạt 77,2 % kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế là 84,67 tỷ đồng, đạt 84,6% kế hoạch năm 2019.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được trình bày trong mục 1 phần II.

### 2. Tình hình tài chính

HEM quản lý và sử dụng vốn theo quy định của Nhà nước và tuân thủ quy chế tài chính của Công ty. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả thực hiện theo quy định,



thường xuyên đối chiếu công nợ, trích lập dự phòng đầy đủ. Về công tác quản lý tài chính: điều tiết và sử dụng hợp lý nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, dòng tiền được lưu chuyển vòng quay ổn định, chi phí tài chính được tiết kiệm bằng việc tìm nguồn vốn vay giá rẻ,...nguồn vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết cũng được giám sát chặt chẽ, hiệu quả.

- Chi tiết tình hình tài sản, nợ phải trả được trình bày trong mục 4 phần II.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Sau khi VIHEM chính thức sáp nhập vào HEM ngày 11/4/2019, HEM đã từng bước tái cấu trúc mô hình tổ chức Công ty, theo đó thành lập Nhà máy sản xuất động cơ điện, Trung tâm dịch vụ sửa chữa HEM và cơ cấu lại các khối gián tiếp gồm: khối Kinh doanh, khối Kỹ thuật và R&D, khối Tài chính kế toán, khối Hành chính nhân sự.

Với mô hình tổ chức này, các đơn vị được phân công phân nhiệm cụ thể, rõ ràng; từng vị trí công việc được mô tả chi tiết nhiệm vụ; nhân sự khối gián tiếp được sàng lọc, tinh giản theo yêu cầu từng vị trí công việc. Sau khi sắp xếp lại nhân sự, người lao động được bố trí các công việc phù hợp hoặc đào tạo lại nghề để đáp ứng nhu cầu của Công ty trong sản xuất kinh doanh.

Sau sáp nhập, Công ty đã rà soát, sửa đổi và bổ sung các Quy chế, quy định nội bộ gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; quy chế nội bộ về quản trị Công ty; quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ; quy chế tiền lương; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế mua sắm và quản lý vật tư hàng hóa, dịch vụ; quy chế bán hàng, quy chế văn thư, định mức nhân công, định mức vật tư sản xuất....

Các chính sách, chế độ đối với người lao động tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty và Thỏa ước lao động tập thể.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, phát triển HEM thành đơn vị chủ lực và là thương hiệu số 1 Việt Nam trong lĩnh vực động cơ điện, dịch vụ sửa chữa và các dịch vụ khác liên quan đến động cơ điện được nhiều thương hiệu lớn trên thế giới tin tưởng đồng hành.

- Để thực hiện được mục tiêu tăng trưởng trong tương lai, HEM cần phải tiếp tục phát huy những điểm mạnh, có kế hoạch hành động cụ thể khắc phục nhược điểm, tồn tại trên các mặt hoạt động.

**5. Ý kiến kiểm toán:** HEM đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất. Ý kiến của kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn bộ.

### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

- Công ty đã thực hiện tốt các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng.

- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, tham gia các hoạt động của địa phương...

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của HEM**

Tại Công ty mẹ - HEM:



Năm 2019, Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM) thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ và toàn diện.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, sau khi nhận sáp nhập Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (VIHEM) vào HEM ngày 11/04/2019, HEM tập trung tổ chức lại mô hình sản xuất và các đơn vị phòng ban theo định hướng phát triển từng ngành hàng truyền thống của HEM. Theo đó, Công ty đã thực hiện:

- Thành lập Nhà máy sản xuất động cơ điện, tập trung sản xuất về mặt bằng tại huyện Đông Anh nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác sản xuất;
- Thành lập Trung tâm dịch vụ sửa chữa chuyên cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa động cơ điện, máy phát, các thiết bị điện khác.
- Cơ cấu lại các khối gián tiếp gồm: khối Kinh doanh, khối Kỹ thuật và R&D, khối Tài chính kế toán, khối Hành chính nhân sự.

Cùng với sự thay đổi về mô hình tổ chức, Công ty thực hiện sắp xếp lại bộ máy quản lý và nhân sự với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả.

Tại các Công ty con, Công ty liên kết:

Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đang có vốn đầu tư tại Công ty con là Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội (HECO) và Công ty liên kết là Công ty TNHH SAS-CTAMAD. Các đơn vị thành viên đều đang hoạt động có hiệu quả, đúng định hướng chiến lược của HEM.

Ngoài việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, HEM luôn quan tâm và thực hiện tốt các quy định của Nhà Nước về môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ,...

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Tổng giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện mục tiêu của Công ty năm 2019

Để đạt được kết quả kinh doanh trong năm qua là sự cố gắng không mệt mỏi của Ban Tổng Giám đốc, với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ chủ trương của Hội đồng quản trị HEM. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban Giám đốc triển khai một cách nghiêm túc, hiệu quả, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của HEM.

Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước chinh phục các thị trường trong nước và ngoài nước với bối cảnh tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, phức tạp như hiện nay.

## **3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Mục tiêu năm 2020 của Công ty là tập trung tổ chức lại ngành hàng sản xuất động cơ điện và xây dựng chính sách phát triển ngành hàng truyền thống này, tiếp tục khai thác tối đa thị trường dịch vụ sửa chữa động cơ điện trên khắp cả nước;

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, Hội đồng quản trị đề ra một số giải pháp như sau:

- Tập trung nguồn lực cho công tác phát triển thị trường. Đầu tư thêm ngân sách cho việc quảng bá thương hiệu HEM và các sản phẩm của Công ty để mở rộng,



phát triển thị phần trong và ngoài nước. Bổ sung nhân sự bộ phận kinh doanh, tiếp tục công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên là công tác thị trường;

- Tăng cường đầu tư cho công tác phát triển sản phẩm mới; cải tiến thiết kế, mẫu mã dòng sản phẩm truyền thống để đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Chỉ đạo sát sao công tác tổ chức sản xuất ngành hàng động cơ điện. Tổ chức sản xuất hợp lý hơn, tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm;
- Tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 giao.
- Hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ, tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Thông qua người đại diện vốn, tham gia thiết lập mô hình tổ chức, định hướng phát triển dài hạn các công ty con, công ty liên doanh liên kết.

#### V. Quản trị công ty:

##### Danh sách thành viên HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Bùi Quang Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/01/2020
2	Phan Ngọc Thảo	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/01/2020
3	Hà Đình Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/04/2019
3	Phạm Tuấn Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/01/2020
4	Lê Thành Lương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2019
5	Bùi Quốc Bảo	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2019
6	Đoàn Văn Quý	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10/03/2019

Tóm tắt lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

- **Ông Bùi Quang Vinh – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**  
(Chi tiết phần Danh sách ban điều hành (Mục 2.1))
- **Ông Lê Thành Lương - Ủy viên HĐQT**
  - Giới tính: Nam
  - Ngày sinh: 20/08/1980
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Địa chỉ thường trú: Số 34, Phố Phú Yên - Bồ Đề - Long Biên - Hà Nội
  - CMND: 011950618      Ngày cấp: 09/01/2014      Nơi cấp: CA Hà Nội
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Quản lý dự án chuyên nghiệp.



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người có liên quan
  - +Đại diện sở hữu: 14.324.591 cổ phần, chiếm 37,01% vốn điều lệ (Đại diện của Công Cổ phần Thiết bị điện Gelex)
  - +Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ
  - + Số CP nắm giữ của những người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- **Ông Phạm Tuấn Anh - Ủy viên HĐQT**
  - Giới tính: Nam
  - Ngày sinh: 03/11/1976
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh.
  - Địa chỉ thường trú: Số 12 ngõ 810 La Thành, Ba Đình, Hà Nội
  - CMND: 001076013343 Ngày cấp 28/10/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
    - +Đại diện sở hữu: không có
    - +Cá nhân sở hữu: 58.361 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ
    - + Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không

## VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính riêng/hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán) bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán đã được Công ty công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ <http://www.hem.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh-dinh-ki/>.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ  
HÀ NỘI

BÁC TỬ LIÊM - T.P HÀ NỘI

*Bùi Quang Vinh*









# **Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019





# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42



# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 cấp vào ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2020
Ông Phan Ngọc Thảo	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2020
Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2020
Ông Lê Thành Lương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Đoàn Văn Quý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2019

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019, Công ty đã miễn nhiệm tất cả các thành viên Ban kiểm soát.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Sửa chữa	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Bùi Quốc Bảo	Giám đốc sản xuất	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Đoàn Văn Quý	Giám đốc Kỹ thuật	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2019

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Vinh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Số tham chiếu: 61441291/21175593/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

\_\_\_\_\_  
Lê Thị Tuyết Mai  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

\_\_\_\_\_  
Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>649.511.717.324</b>	<b>445.471.214.323</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>73.804.140.478</b>	<b>41.951.375.039</b>
111	1. Tiền		14.304.140.478	18.251.375.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.500.000.000	23.700.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>207.000.000.000</b>	<b>18.443.756.354</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	207.000.000.000	15.000.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.443.756.354
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>222.850.335.505</b>	<b>273.985.416.962</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	304.343.161.477	403.055.592.979
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	6.501.156.132	4.842.780.608
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	58.938.216.688	10.196.224.840
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 8	(146.932.198.792)	(144.109.181.465)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>144.783.152.484</b>	<b>109.778.655.127</b>
141	1. Hàng tồn kho		144.845.241.973	109.840.744.616
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(62.089.489)	(62.089.489)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.074.088.857</b>	<b>1.312.010.841</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		279.881.499	400.728.962
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		794.207.358	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	911.281.879
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>409.954.456.427</b>	<b>429.194.536.348</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>6.740.871.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	6.740.871.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>105.689.390.078</b>	<b>120.141.172.817</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	105.085.644.787	119.311.611.310
222	Nguyên giá		279.962.175.419	295.709.965.578
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(174.876.530.632)	(176.398.354.268)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	603.745.291	829.561.507
228	Nguyên giá		1.365.181.111	3.052.367.251
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(761.435.820)	(2.222.805.744)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		2.374.201.599	2.374.201.599
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.374.201.599)	(2.374.201.599)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.010.240.781</b>	<b>371.324.341</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.010.240.781	371.324.341
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>278.776.563.284</b>	<b>275.922.449.576</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		278.776.563.284	275.922.449.576
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>24.478.262.284</b>	<b>26.018.718.614</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.559.721.223	4.577.705.413
269	2. Lợi thế thương mại	15	18.918.541.061	21.441.013.201
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.059.466.173.751</b>	<b>874.665.750.671</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>389.673.177.061</b>	<b>230.110.573.405</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>385.608.634.171</b>	<b>223.727.445.591</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	52.221.739.816	71.801.393.150
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	3.813.013.883	3.225.473.439
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	369.434.010	6.825.927.010
314	4. Phải trả người lao động		9.179.083.126	10.330.190.088
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	7.494.862.590	2.384.953.087
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	2.200.781.851
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.701.629.671	3.268.747.756
320	8. Vay ngắn hạn	20	305.566.245.429	118.335.347.341
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	2.771.884.924	916.160.914
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	1.490.740.722	4.438.470.955
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.064.542.890</b>	<b>6.383.127.814</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		503.300.000	50.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	3.561.242.890	6.333.127.814
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>669.792.996.690</b>	<b>644.555.177.266</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>664.145.504.988</b>	<b>637.996.352.236</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		387.046.500.000	368.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		387.046.500.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.770.960.945	152.595.945
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		7.926.026.801	7.926.026.801
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.508.916.616	4.508.916.616
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		254.281.857.995	215.740.665.857
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		157.217.137.357	124.217.207.765
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		97.064.720.638	91.523.458.092
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		200.655.231	43.257.559.617
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>5.647.491.702</b>	<b>6.558.825.030</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		5.647.491.702	6.558.825.030
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.059.466.173.751</b>	<b>874.665.750.671</b>

Ngô Văn Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yến  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	501.927.643.187	544.175.954.452
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(342.556.255)	(1.335.802.143)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	501.585.086.932	542.840.152.309
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(408.348.275.831)	(429.890.697.120)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.236.811.101	112.949.455.189
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	89.410.326.830	43.563.449.954
22	7. Chi phí tài chính	27	(24.920.763.735)	(23.492.031.982)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.725.085.925)	(8.722.304.234)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		2.854.113.708	16.826.808.922
25	9. Chi phí bán hàng	28	(24.393.671.115)	(10.518.600.153)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(45.576.554.977)	(40.460.608.898)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.610.261.812	98.868.473.032
31	12. Thu nhập khác		876.465.399	3.575.427.263
32	13. Chi phí khác		(685.362.793)	(381.070.034)
40	14. Lợi nhuận khác		191.102.606	3.194.357.229
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.801.364.418	102.062.830.261
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(5.828.683.166)	(7.926.634.252)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(300.000.000)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.672.681.252	94.136.196.009
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		84.631.574.314	91.523.458.092
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		41.106.938	2.612.737.917
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	2.226	2.479
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	2.226	2.479

Ngô Văn Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yến  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>90.801.364.418</b>	<b>102.062.830.261</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		15.348.994.151	12.545.121.766
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		1.906.856.413	(8.999.154.412)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(47.701.131)	49.435.353
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(92.463.723.507)	(59.208.166.030)
06	Chi phí lãi vay	27	23.725.085.925	8.722.304.234
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>39.270.876.269</b>	<b>55.172.371.172</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		20.726.559.554	(44.035.888.183)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(35.004.497.357)	101.290.158.694
11	Giảm các khoản phải trả		(25.639.871.516)	(3.465.117.241)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(861.168.347)	147.523.903
13	(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(192.000.000.000)	39.839.670.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.889.569.684)	(8.380.585.249)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.452.490.745)	(9.946.909.164)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.790.399.967	1.862.725.285
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.438.130.199)	(7.367.335.564)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(224.497.892.058)</b>	<b>125.116.613.653</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.524.007.349)	(9.101.257.748)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		253.128.399	1.075.745.455
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.543.756.354	32.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(98.897.339.924)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.904.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		84.590.404.399	43.974.437.525
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>126.767.281.803</b>	<b>(30.448.414.692)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		494.107.580.128	425.339.443.068
34	Tiền trả nợ gốc vay		(306.876.682.040)	(481.266.885.330)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(57.695.223.525)	(54.142.952.775)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>129.535.674.563</b>	<b>(110.070.395.037)</b>
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		<b>31.805.064.308</b>	<b>(15.402.196.076)</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		<b>41.951.375.039</b>	<b>57.352.948.855</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		47.701.131	622.260
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	<b>73.804.140.478</b>	<b>41.951.375.039</b>

Ngô Văn Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yến  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 cấp vào ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 313 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 241 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2018 : 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (“Công ty Heco”)	99,82%	99,82%	Lô J12 (ABC), đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện

Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Nhóm Công ty là VND.

### **2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	24 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	11 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 6 năm

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và các chi phí khác.

**Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2010, có thời hạn 47 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.12 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Các khoản dự phòng**

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

*Dự phòng bảo hành*

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa: là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng doanh nghiệp vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng. Nhóm Công ty trích 1% dự phòng bảo hành sản phẩm trên doanh thu sản phẩm bán ra trong năm.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.16 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.17 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty theo quy chế tài chính của Nhóm Công ty và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**3.21 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Nhóm Công ty chủ yếu là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. NGHIỆP VỤ MUA BÁN, SÁP NHẬP CÔNG TY CON TRONG NĂM**

**4.1 Sáp nhập Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (“Công ty Vihem”)**

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019 (“ngày sáp nhập”), Công ty đã hoàn thành việc sáp nhập với công ty con là Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam - Hungari theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HEM ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Hợp đồng sáp nhập ngày 2 tháng 11 năm 2018 bằng việc phát hành thêm 1.904.650 cổ phiếu để hoán đổi với 3.809.300 cổ phiếu tương đương với 34,63% cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam – Hungari.

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam - Hungari là sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.

**4.2 Chuyển nhượng vốn góp tại Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (“HITECH”)**

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2019, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của HITECH cho một đối tác doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2019/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 29 tháng 7 năm 2019 và theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 08/2019/HĐCNVG/HITECH-HEM ngày 31 tháng 7 năm 2019. Công ty HITECH đã không còn là công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	319.022.407	330.268.403
Tiền gửi ngân hàng	13.985.118.071	17.921.106.636
Các khoản tương đương tiền (*)	59.500.000.000	23.700.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>73.804.140.478</b>	<b>41.951.375.039</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 5%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,3 đến 5,5%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Trái phiếu (i)	207.000.000.000	207.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>207.000.000.000</b>	<b>207.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Chi tiết trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Giá đầu tư (VND)	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE (*)	207.000.000.000	19 tháng 7 năm 2021	Kỳ hạn 3 năm, lãi nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 19 tháng 7 năm 2021	Lãi suất thả nổi (năm 2019: 10,5%)	Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành và các bên thứ ba

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản trái phiếu do trái phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	250.810.639.438	306.357.126.157
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	53.532.522.039	96.698.466.822
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>304.343.161.477</b>	<b>403.055.592.979</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(141.248.729.468)	(141.082.067.141)

Một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Shaxxi JC Engineering and Trading Co., Ltd	1.997.306.532	-
Công ty Cổ phần Cơ điện 86	1.415.271.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	1.013.760.000	-
Công ty TNHH ABB	-	2.122.352.100
Công ty Cổ phần Viễn thông Điện lực Hà Nội	-	1.532.127.388
Khác	2.074.818.600	1.188.301.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.501.156.132</b>	<b>4.842.780.608</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	9.709.372.603	-	-	-
Phải thu Xí nghiệp Tư nhân Đức Hải Đăng	3.027.114.324	(3.027.114.324)	3.027.114.324	(3.027.114.324)
Tạm ứng cổ tức	2.656.355.000	(2.656.355.000)	2.656.355.000	-
Phải thu tiền thuê đất chi hộ	1.012.033.125	-	1.012.033.125	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.007.540.210	-	610.704.931	-
Phải thu khác	703.883.619	-	1.461.017.460	-
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	40.821.917.807	-	1.429.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.938.216.688</b>	<b>(5.683.469.324)</b>	<b>10.196.224.840</b>	<b>(3.027.114.324)</b>

**9. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.288.046.487	-	106.288.046.487	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	15.759.439.543	-
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong	14.095.503.040	-	14.095.503.040	-
Các khoản khác	10.839.352.297	2.783.037.584	8.982.147.078	1.015.954.683
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>146.982.341.367</b>	<b>2.783.037.584</b>	<b>145.125.136.148</b>	<b>1.015.954.683</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	63.014.969.144	(62.089.489)	42.586.806.438	(62.089.489)
Công cụ, dụng cụ	1.057.042.887	-	838.602.877	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.707.422.870	-	26.691.704.183	-
Thành phẩm	21.985.794.284	-	35.295.811.648	-
Hàng hoá	18.080.012.788	-	4.427.819.470	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.845.241.973</b>	<b>(62.089.489)</b>	<b>109.840.744.616</b>	<b>(62.089.489)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(62.089.489)	(1.879.034.009)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	-	1.816.944.520
Số cuối năm	<u>(62.089.489)</u>	<u>(62.089.489)</u>



# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số đầu năm	95.479.952.240	167.859.799.076	30.027.861.627	2.342.352.635	295.709.965.578
- Mua trong năm	286.369.455	985.188.274	740.340.909	-	2.011.898.638
- Đầu tư XDCB hoàn thành	195.248.070	276.696.965	-	-	471.945.035
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.815.631.023)	(1.836.642.962)	-	(8.652.273.985)
- Giảm do thanh lý công ty con	(6.172.496.017)	(3.380.613.830)	(26.250.000)	-	(9.579.359.847)
Số cuối năm	89.789.073.748	158.925.439.462	28.905.309.574	2.342.352.635	279.962.175.419
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	20.973.250.860	65.273.575.240	12.376.809.354	2.090.578.349	100.714.213.803
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	54.664.554.216	96.700.388.481	22.942.833.222	2.090.578.349	176.398.354.268
- Khấu hao trong năm	3.346.821.989	10.845.607.760	1.842.081.514	-	16.034.511.263
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.742.131.023)	(1.801.271.822)	-	(8.543.402.845)
- Giảm do thanh lý công ty con	(6.526.808.776)	(2.450.615.004)	(35.508.274)	-	(9.012.932.054)
Số cuối năm	51.484.567.429	98.353.250.214	22.948.134.640	2.090.578.349	174.876.530.632
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	40.815.398.024	71.159.410.595	7.085.028.405	251.774.286	119.311.611.310
Số cuối năm	38.304.506.319	60.572.189.248	5.957.174.934	251.774.286	105.085.644.787

Một số tài sản có định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

Một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn được nhóm Công ty cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	2.290.264.818	762.102.433	3.052.367.251
Số cuối năm	2.290.264.818	762.102.433	3.052.367.251
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.323.664.818	517.621.322	1.841.286.140
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	1.645.864.818	576.940.926	2.222.805.744
Hao mòn trong năm	161.100.000	64.716.216	225.816.216
Số cuối năm	1.806.964.818	641.657.142	2.448.621.960
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	644.400.000	185.161.507	829.561.507
Số cuối năm	483.300.000	120.445.291	603.745.291



# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	278.776.563.284	-	278.776.563.284	275.922.449.576	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>278.776.563.284</b>	<b>-</b>	<b>278.776.563.284</b>	<b>275.922.449.576</b>	

(\*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do công ty này không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

### 13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD (i)	35,00	35,00	35,00	35,00

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

- (i) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCND3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.1 Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Công ty TNHH</i>
	<i>S.A.S – CTAMAD</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Số đầu năm	<u>179.842.195.109</u>
Số cuối năm	<u>179.842.195.109</u>
<b>Phản lũy kế lợi nhuận:</b>	
Số đầu năm	96.080.254.467
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết	67.842.486.691
Cổ tức được chia	(64.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(588.372.983)</u>
Số cuối năm	<u>98.934.368.175</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>275.922.449.576</u>
Số cuối năm	<u>278.776.563.284</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước	1.953.112.853	2.041.110.244
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.079.909.994	1.507.590.815
Chi phí sửa chữa	2.526.698.376	1.029.004.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.559.721.223</b>	<b>4.577.705.413</b>

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Công ty Vihem (*)</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		22.071.631.237
Số cuối năm		22.071.631.237
<b>Phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm		630.618.036
Phân bổ trong năm		2.522.472.140
Số cuối năm		3.153.090.176
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		21.441.013.201
Số cuối năm		18.918.541.061

(\*) Công ty VIHEM đã được sáp nhập vào Công ty trong năm 2019 (Xem Thuyết minh số 4).

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	25.165.432.151	25.165.432.151	49.704.372.694	49.704.372.694
- Công ty TNHH Đầu tư Phúc Hưng Phát	3.828.948.200	3.828.948.200	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Cơ khí Đức Phương Thành	3.192.695.539	3.192.695.539	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị Điện TTC	-	-	22.614.618.180	22.614.618.180
- Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Điện Việt Nam	-	-	6.679.557.500	6.679.557.500
- Công ty TNHH Shaanxi JC Engineering and Trading	-	-	4.114.137.692	4.114.137.692
- Phải trả đối tượng khác	18.143.788.412	18.143.788.412	16.296.059.322	16.296.059.322
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	27.056.307.665	27.056.307.665	22.097.020.456	22.097.020.456
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.221.739.816</b>	<b>52.221.739.816</b>	<b>71.801.393.150</b>	<b>71.801.393.150</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Zenbi	783.130.464	-
Công ty TNHH Thương Mại Điện Cơ Minh Khâm	412.338.572	-
Công ty Cổ phần TOMECO An Khang	-	1.500.000.000
Các đối tượng khác	2.617.544.847	1.725.473.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.813.013.883</u></b>	<b><u>3.225.473.439</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Giảm do thanh lý công ty con</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	2.794.673.890	10.822.149.969	(12.624.273)	(13.532.666.941)	71.532.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.916.946.034	5.828.683.166	(41.709.800)	(9.452.490.745)	251.428.655
Thuế thu nhập cá nhân	114.307.086	1.931.355.751	(12.056.922)	(1.987.133.205)	46.472.710
Thuế đất	-	8.406.327.106	-	(8.406.327.106)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.186.840	-	(4.186.840)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.825.927.010</u></b>	<b><u>26.992.702.832</u></b>	<b><u>(66.390.995)</u></b>	<b><u>(33.382.804.837)</u></b>	<b><u>369.434.010</u></b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay, lãi ký quỹ	6.728.910.217	893.393.976
Chi phí khuyến mại	-	854.472.610
Chi phí phải trả khác	765.952.373	637.086.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.494.862.590</u></b>	<b><u>2.384.953.087</u></b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.041.203.100	2.041.203.100
Cổ tức phải trả	365.758.939	157.831.484
Các khoản phải trả, phải nộp khác	204.335.375	76.030.400
	90.332.257	993.682.772
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.701.629.671</u></b>	<b><u>3.268.747.756</u></b>

## Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY NGẮN HẠN

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	104.044.810.341	104.044.810.341	274.897.236.347	(276.721.579.040)	102.220.467.648	102.220.467.648	
Trái phiếu phát hành	-	-	199.872.777.781	-	199.872.777.781	199.872.777.781	
Vay từ đối tượng khác	14.290.537.000	14.290.537.000	19.337.566.000	(30.155.103.000)	3.473.000.000	3.473.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>118.335.347.341</b>	<b>118.335.347.341</b>	<b>494.107.580.128</b>	<b>(306.876.682.040)</b>	<b>305.566.245.429</b>	<b>305.566.245.429</b>	

### 20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	67.014.352.016	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 6 năm 2020	6,50%	Tài sản cố định: nhà máy, nhà xưởng theo Biên bản định giá lại tài sản đảm bảo số 02/2018-BBĐGL/NHCT146-DIENCO ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	18.423.849.773	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 6 năm 2020	6,62%	Tin chấp
Ngân hàng CTBC Bank – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	16.782.265.859	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 5 năm 2020	6,00% - 6,30%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.220.467.648</b>			

## Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

#### 20.2 Trái phiếu phát hành

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

Đơn vị phát hành	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	150.000.000.000	Kỳ hạn vay 1 năm. Lãi vay trả 6 tháng một lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 3 năm 2020	10,5%	Tài sản đảm bảo là 13.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết Bị Điện GELEX, công ty mẹ của Công ty.
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	50.000.000.000	Kỳ hạn vay 1 năm. Lãi vay trả 6 tháng một lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 3 năm 2020	10,5%	
Chi phí phát hành trái phiếu	(127.222.219)			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>199.872.777.781</b>			

#### 20.3 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác bằng VND được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cán bộ công nhân viên Công ty	3.203.000.000	Kỳ hạn lớn hơn 1 tháng, rút gốc linh hoạt	5,5% - 8%	Tin chấp
Công đoàn HIEM	270.000.000	Kỳ hạn lớn hơn 1 tháng, rút gốc linh hoạt	5,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.473.000.000</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	2.771.884.924	916.160.914
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.771.884.924</b>	<b>916.160.914</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	3.561.242.890	6.333.127.814
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.561.242.890</b>	<b>6.333.127.814</b>

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 5 tháng đến 6 năm).

**22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	4.438.470.955	7.674.358.780
Trích quỹ trong năm	700.000.000	2.580.592.905
Nhận quỹ khen thưởng phúc lợi từ công ty liên kết (*)	1.790.399.966	1.406.780.976
Sử dụng trong năm	(5.438.130.199)	(7.223.261.706)
Số cuối năm	1.490.740.722	4.438.470.955

(\*) Theo thỏa thuận trong Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD ký ngày 23 tháng 6 năm 1994, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty sẽ nhận được 1% lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD.

## Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước</b>								
Số đầu năm	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	-	181.551.913.159	9.035.521.784	565.076.645.089
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	91.523.458.092	2.612.737.917	94.136.196.009
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.431.620.000)	-	(2.431.620.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(54.966.555.000)	-	(54.966.555.000)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua công ty con	-	-	-	-	4.508.916.616	63.469.606	(9.063.469.606)	(9.000.000.000)
Số cuối năm	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	4.508.916.616	215.740.665.857	43.257.559.617	637.996.352.236
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	4.508.916.616	215.740.665.857	43.257.559.617	637.996.352.236
- Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu (*)	19.046.500.000	11.618.365.000	-	-	-	-	-	30.664.865.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	84.631.574.314	41.106.938	84.672.681.252
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	(57.823.528.500)	-	(57.823.528.500)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	387.046.500.000	11.770.960.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	4.508.916.616	254.281.857.995	200.655.231	664.145.504.988

(\*) Theo nội dung phê duyệt Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HEM ngày 18 tháng 10 năm 2018, Công ty đã được thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu HEM để hoán đổi cổ phiếu VIHEM. Theo Công văn số 130/2019/CV-HEM, Công ty đã thông báo phát hành thành công 1.904.650 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) với tổng giá trị là 19.046.500.000 VND. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (16.100/cổ phiếu) và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; và

(\*\*) Theo nội dung phê duyệt Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019, Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 57.823.528.500 VND. Đồng thời, cũng theo Nghị quyết, Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 700 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	296.849.160.000	296.849.160.000	-	242.422.450.000	242.422.450.000	-
Cổ đồng khác	88.641.030.000	88.641.030.000	-	124.021.250.000	124.021.250.000	-
Cổ phiếu quỹ	1.556.310.000	1.556.310.000	-	1.556.300.000	1.556.300.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>387.046.500.000</b>	<b>387.046.500.000</b>	<b>-</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>-</b>

**23.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 VND/cổ phiếu	-	54.966.555.000
Cổ tức cho năm 2018: 1.500 VND/cổ phiếu	57.823.530.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	-	-

**23.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>38.704.650</b>	<b>36.800.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>38.704.650</b>	<b>36.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	38.704.650	36.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>155.631</b>	<b>155.630</b>
Cổ phiếu phổ thông	155.631	155.630
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>38.549.019</b>	<b>36.644.370</b>
Cổ phiếu phổ thông	38.549.019	36.644.370
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng Khoán Upcom với mã chứng khoán là HEM.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	18.573,85	1.675,53

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>501.927.643.187</b>	<b>544.175.954.452</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	192.292.665.680	216.731.762.737
Doanh thu bán hàng hóa	189.005.623.009	224.999.130.170
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.629.354.498	102.445.061.545
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(342.556.255)</b>	<b>(1.335.802.143)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>501.585.086.932</b>	<b>542.840.152.309</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	428.891.185.160	367.931.450.923
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	72.693.901.772	174.908.701.386

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.400.000.000	40.104.000.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.212.501.660	3.035.521.662
Lãi bán các khoản đầu tư	4.743.979.740	400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	53.845.430	23.928.292
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.410.326.830</b>	<b>43.563.449.954</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	152.284.690.752	169.186.864.977
Giá vốn của hàng hóa đã bán	180.483.509.517	192.028.162.088
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	75.580.075.562	70.492.614.575
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.816.944.520)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>408.348.275.831</b>	<b>429.890.697.120</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	23.725.085.925	8.722.304.234
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	616.648.261	289.359.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.778.601	101.948.730
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	-	14.378.420.000
Chi phí tài chính khác	572.250.948	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.920.763.735</b>	<b>23.492.031.982</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.557.741.286	5.541.609.847
Chi phí nhân công	7.751.736.069	6.309.625.566
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.182.086.454	1.171.994.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	375.908.660	241.195.286
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(55.702.648)	(9.540.923.899)
Chi phí bán hàng khác	6.581.901.294	6.795.099.227
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.393.671.115</b>	<b>10.518.600.153</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	18.835.665.572	18.235.017.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.414.501.323	5.663.943.394
Chi phí dự phòng	2.823.017.327	2.242.613.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.417.557.482	1.246.183.552
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.120.234.529	1.575.482.911
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.965.578.744	11.497.368.228
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.576.554.977</b>	<b>40.460.608.898</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.781.863.450	154.239.997.345
Chi phí nhân công	71.081.879.182	64.442.010.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.348.994.153	12.545.121.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.305.004.426	18.204.668.747
Chi phí khác	30.780.282.200	21.408.422.076
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>294.298.023.411</u></b>	<b><u>270.840.220.657</u></b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.828.683.166	7.926.634.252
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	300.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.128.683.166</u></b>	<b><u>7.926.634.252</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.801.364.418	102.062.830.261
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng cho Công ty và các công ty con	18.054.337.424	20.412.566.053
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản phạt	115.298.331	-
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2018	54.262.832	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(13.450.822.700)	(11.345.361.784)
Lỗi năm trước chuyển sang	(483.937.227)	(1.547.501.595)
Chi phí không được khấu trừ khác	1.839.544.507	406.931.578
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>6.128.683.166</b>	<b>7.926.634.252</b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Chia cổ tức	54.073.148.100	36.363.367.500
		Mua vật tư, hàng hóa	49.547.758.784	20.435.350.452
		Ký cược, ký quỹ	40.000.000.000	-
		Lãi ký cược, ký quỹ	821.917.807	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	65.988.075.974	63.072.326.708
		Doanh thu bán hàng hóa	22.813.511.798	82.363.627.074
		Bù trừ công nợ	16.525.817.085	20.126.898.840
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.853.531.535	4.137.500.000
		Mua dịch vụ	2.833.581.732	2.214.206.648
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Cùng Tập đoàn	Thanh toán tiền mua trái phiếu	200.681.950.590	-
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa	6.358.414.002	3.271.127.433
		Doanh thu bán hàng hóa	-	10.093.460.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	703.629.766	2.346.026.823
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức được chia Thu Quỹ khen thưởng phúc lợi	64.400.000.000 1.681.065.666	39.900.000.000 1.397.666.134
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa Doanh thu cung cấp dịch vụ Bù trừ công nợ Mua vật tư, hàng hóa	38.773.185.356 5.253.673.083 1.407.506.272 1.279.551.156	74.400.919.761 449.924.364 2.150.781.754 2.010.321.640

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</b>				
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	51.558.885.338	41.427.251.617
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.973.636.701	55.271.215.205
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>53.532.522.039</b>	<b>96.698.466.822</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	40.000.000.000	-
		Phải thu lãi ký quỹ	821.917.807	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>40.821.917.807</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản ký quỹ với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam với lãi suất 6%/năm để mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất của Nhóm Công ty.

<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	14.181.002.306	16.008.733.100
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	12.873.000.639	5.607.284.506
Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	2.304.720	59.843.520
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	417.224.674
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	3.934.656
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>27.056.307.665</b>	<b>22.097.020.456</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập	3.657.100.888	4.290.574.330
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.657.100.888</b>	<b>4.290.574.330</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.447.500.000	6.297.090.417
Từ 1 – 5 năm	9.522.500.000	14.288.247.951
Trên 5 năm	-	102.295.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.970.000.000</u></b>	<b><u>20.687.633.450</u></b>

***Cam kết về thuê hoạt động***

Nhóm Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Nhóm Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	10.708.142.069	6.507.255.324
Từ 1 – 5 năm	42.832.568.276	22.922.917.240
Trên 5 năm	127.397.468.595	92.163.398.776
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>180.938.178.940</u></b>	<b><u>121.593.571.340</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	84.631.574.314	91.523.458.092
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(700.000.000)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>84.631.574.314</b>	<b>90.823.458.092</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.021.979	36.644.370
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>38.021.979</b>	<b>36.644.370</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
<i>Lãi cơ bản</i>	<i>2.226</i>	<i>2.479</i>
<i>Lãi suy giảm</i>	<i>2.226</i>	<i>2.479</i>


(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty




---

Ngô Văn Hải  
Người lập



---

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



---

Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020